

Họ và tên học sinh:

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $15\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$40\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$3\text{dm}^2 12\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

b) $2300\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$50000\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$1230\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2 \dots\dots\dots\text{cm}^2$

c) $21\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$2010\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$3\text{m}^2 20\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

d) $2000\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$

$10500\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$

$4560\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2 \dots\dots\dots\text{dm}^2$

Bài 7: Điền dấu ($>$; $<$; $=$).

a) $5\text{dm}^2 7\text{cm}^2 \dots\dots\dots 57\text{cm}^2$

$5\text{dm}^2 7\text{cm}^2 \dots\dots\dots 507\text{cm}^2$

$5\text{dm}^2 7\text{cm}^2 \dots\dots\dots 570\text{cm}^2$

b) $2\text{m}^2 5\text{cm}^2 \dots\dots\dots 2050\text{cm}^2$

$2\text{m}^2 5\text{cm}^2 \dots\dots\dots 20005\text{cm}^2$

$2\text{m}^2 5\text{cm}^2 \dots\dots\dots 20050\text{cm}^2$

Bài 8: Mỗi thùng chứa 250kg sách vở. Mỗi xe ô tô chở 4 thùng sách vở. Hỏi 2 xe ô tô như vậy chở mấy tấn sách vở?

Bài giải

Bài 9. Điền vào chỗ trống

$25\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$7400\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$5\text{dm}^2 3\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$18\text{dm}^2 40\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$5\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$21\text{m}^2 200\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$